TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hồng; Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐ-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị Thu H; trú tại: Buôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Ông Trịnh Xuân N; Buôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Cao Thị Thu H trình bày: Bà H và ông N là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2008 tại UBND xã Đ, huyện N. Đến năm 2015, vợ chồng ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng. Ngày 10/9/2018, bà H với ông N đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Đ, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 111/2018 ngày 10/9/2018.

Quá trình chung sống từ khi đăng ký kết hôn lại cho tới nay vợ chồng nhiều mâu thuẫn, tình cảm, hạnh phúc gia đình không có, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cuối năm 2021 đến nay cho tới nay vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà H đề Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trịnh Xuân N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Trịnh Thị Quỳnh M, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Trịnh Cao C, sinh ngày 14/3/2012, các con chung phát

triển bình thường. Nguyện vọng sau khi ly hôn thì bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trịnh Xuân N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng chậm nhất là ngày 15 hàng tháng, ông N có thể chuyển khoản vào tài sản cho bà H hoặc đưa tiền trực tiếp. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi có quyết định ly hôn của Tòa án.

Ông Trịnh Xuân N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, ngày 03/6/2022 bà H làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung, nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận. Về phần tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Trịnh Xuân N trình bày:* Về quan hệ hôn nhân đúng như theo trình bày của bà Cao Thị Thu H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Cao Thị Thu H không làm tròn nghĩa vụ của người vợ nên dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn, không hòa hợp. Nay bà H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông N thì ông N không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Trịnh Thị Quỳnh M, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Trịnh Cao C, sinh ngày 14/3/2012, các con chung phát triển bình thường. Nguyện vọng nếu ly hôn thì ông N tôn trọng ý kiến của các con, đồng ý giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trịnh Xuân N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng chậm nhất là ngày 15 hàng tháng, ông N có thể chuyển khoản vào tài sản cho bà H hoặc đưa tiền trực tiếp. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi có quyết định ly hôn của Tòa án.

Ông Trịnh Xuân N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận về phần tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Kết quả xác minh tại Chi hội phụ nữ buôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk:* Quá trình sinh sống tại địa phương giữa bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N có mâu thuẫn, có lời qua tiếng lại trong gia đình. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì Chi hội phụ nữ thôn không nắm được. Đề nghị, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn,

bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo giấy chứng nhận kết hôn số 111/2018 ngày 10/9/2018. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho tới nay. Do đó, có thể thấy tình trạng hôn nhân của bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Thu H, cho bà Cao Thị Thu H được ly hôn với với ông Trịnh Xuân N.

Về con chung: Giao cả hai cháu Trịnh Thị Quỳnh M, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Trịnh Cao C, sinh ngày 14/3/2012 cho bà Cao Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trịnh Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng chậm nhất là ngày 15 hàng tháng, ông N có thể chuyển khoản vào tài sản cho bà H hoặc đưa tiền trực tiếp. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu khi có quyết định ly hôn của Tòa án.

Ông Trịnh Xuân N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn bà Cao Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Trịnh Xuân N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện *"Ly hôn"* và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 111/2018 ngày 10/9/2018. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà Cao Thị Thu H với

ông Trịnh Xuân N là hợp pháp. Vì vậy, bà Cao Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N: Bà H và ông N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2008 tại UBND xã Đ, huyện N. Đến năm 2015, vợ chồng ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng. Ngày 10/9/2018, bà H với ông N đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Đ, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 111/2018 ngày 10/9/2018. Quá trình chung sống từ khi đăng ký kết hôn lại cho tới nay vợ chồng nhiều mâu thuẫn, tình cảm, hạnh phúc gia đình không có, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cuối năm 2021 đến nay cho tới nay vợ chồng sống ly thân với nhau. Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2022 tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ, huyện N xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N có mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận, vợ chồng thường hay to tiếng trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Xuân N cũng thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà Cao Thị Thu H không làm tròn nghĩa vụ của người vợ nên dẫn đến vợ chồng có mâu thuẫn, không hòa hợp. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc với nhau nhưng bà H với ông N đã sống ly thân nhau, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Thị Thu H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N có hai con chung: Cháu Trịnh Thị Quỳnh M, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Trịnh Cao C, sinh ngày 14/3/2012, các con chung đều phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Thị Thu H với ông Trịnh Xuân N có nguyện vọng nếu ly hôn bà Cao Thị Thu H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trịnh Thị Quỳnh M và cháu Trịnh Cao C. Do đó, cần giao cháu Trịnh Thị Quỳnh M, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Trịnh Cao C cho bà Cao Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Trịnh Xuân N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trịnh Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng chậm nhất là ngày 15 hàng tháng, ông N có thể chuyển khoản vào tài sản cho bà H hoặc đưa tiền trực tiếp. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2022 bà H yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ kiện ngày 03/6/2022 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản

chung, nợ chung. Việc rút một phần đơn khởi kiện của bà H là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà Cao Thị Thu H.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Cao Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 6.550.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008965 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà Cao Thị Thu H được nhận lại số tiền 6.250.000 đồng

Căn cứ điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, ông Trịnh Xuân N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Thu H về việc "Ly hôn". Cho bà Cao Thị Thu H được ly hôn ông Trịnh Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Thị Quỳnh M, sinh ngày 15/9/2008 và cháu Trịnh Cao C cho bà Cao Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Ông Trịnh Xuân N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trịnh Xuân N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng chậm nhất vào ngày 15 hàng tháng, ông N có thể chuyển khoản vào tài sản cho bà H hoặc đưa tiền trực tiếp. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Thu H về việc yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Cao Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 6.550.000 đồng *(Sáu triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008965 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà Cao Thị Thu H được nhận lại số tiền 6.250.000 đồng *(Sáu triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Bị đơn ông Trịnh Xuân N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án

phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- . . . . . ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Xuân Hải